TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 484/2023/DSPT Ngày: 05-9-2023 V/v tranh chấp "Đòi quyền sử dụng đất"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Hoàng Khải.

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thanh Vân;

Ông Võ Ngọc Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp:*"Đòi quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 178/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 395/2022/QĐXX-PT ngày 28 tháng 11 năm 2022 và Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 123/2023/QĐPT-DS ngày 15 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lê Thị T, sinh năm 1944 (có mặt);

HKTT: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Võ Văn C, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Võ Thị N, sinh năm 1945 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Võ Văn B, sinh năm 1950 (chết ngày 02/6/2020).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Văn B:

2.1. Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1950 (xin vắng mặt);

2.2. Võ Thị Thu N1, sinh năm 1981 (xin vắng mặt);

2.3. Võ Thành L, sinh năm 1984 (xin vắng mặt);

2.4. Võ Thanh V, sinh năm 1986 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Võ Thị L1, sinh năm 1950 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Võ Thị S, sinh năm 1956 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. Võ Thị M, sinh năm 1959 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6. Võ Văn C1, sinh năm 1965 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

7. Võ Thị Đ, sinh Năm 1968 (xin vắng mặt);

8. Võ Thị L2, sinh Năm 1973 (xin vắng mặt);

Đại diện ủy quyền bà Đ, bà L2: Võ Văn C, sinh năm 1966;

Theo giấy ủy quyền ngày 13/5/2019.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

9. Võ Thị T1**,** sinh năm 1970 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: E khu B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

10. Nguyễn Thị C2, sinh năm 1969 (có mặt);

11. Võ Thành Sơn L3, sinh năm 1986 (xin vắng mặt);

12. Lê Thị Diễm T2, sinh năm 1992 (xin vắng mặt);

13. Võ Thành Sơn H1, sinh năm 2001 (x in vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

14. Trần Văn T3, sinh năm 1941 (xin vắng mặt);

15. Trần Văn T4, sinh năm 1973 (xin vắng mặt);

16. Phạm Thị T5, sinh năm 1972 (xin vắng mặt);

17. Trần Văn T6, sinh năm 1976 (xin vắng mặt);

18. Hứa Thị P, sinh năm 1976 (xin vắng mặt);

19. Trần Thanh P1, sinh năm 2002. (xin vắng mặt);

20. Trần Thị Chúc L4, sinh năm 2005;

21. Trần Thị Chúc L5, sinh năm 2011;

Đại diện theo pháp luật cháu L4 và cháu L5: Trần Văn T6, sinh năm 1976 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

22. Trần Hữu S1, sinh năm 1978 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số A, đường số A, phường A, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

23. Ngân Hàng TMCP C3 – Chi Nhánh T8 (xin vắng mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn ông Võ Văn C, sinh năm 1966.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo án sơ thẩm;*

- *Nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:* Bà T có thửa đất số 44, tờ bản đồ số 2, diện tích 5.204m^2 tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 29/6/2009 cho Lê Thị T đại diện hộ gia đình đứng tên, đất bà T nằm giáp ranh đất ông Võ Văn T7, hiện nay ông Võ Văn C là con ông T7 đang canh tác, giữa 2 thửa đất có cắm trụ đá phân ranh. Quá trình canh tác sử dụng, nhà nước làm đường lộ, trụ ranh bị mất, ông C làm rào lấn sang phần đất của gia đình bà T, theo biên bản trích đo của văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, tổng diện tích 9,4m^2.

Nay bà Lê Thị T yêu cầu ông C trả lại phần đất lấn chiếm theo biên bản trích đo của văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, tổng diện tích 9,4m^2 và tháo dỡ di dời hàng rào bằng tường + lưới B40 trụ bê tông nằm trong thửa đất số 44, tờ bản đồ số 2, diện tích 5.204m^2 tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 29/6/2009 cho bà Lê Thị T đại diện hộ gia đình đứng tên.

- *Bị đơn ông Võ Văn C trình bày:* Cha ông là ông Võ Văn T7 canh tác thửa đất số 779, tờ bản đồ số 1, diện tích 1080m^2 và thửa đất số 789 diện tích 8.126m^2 được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/02/1996 do Võ Văn T7 đứng tên, cha ông chết nên ông là người trực tiếp canh tác 02 thửa đất, đất này giáp ranh với đất bà Lê Thị T, phần đất tranh chấp trước đây là chân đê, phía trong phần đất tranh chấp có một con mương ranh, mỗi bên sử dụng ½ mương, tại phần đất tranh chấp có trụ đá cắm ranh nhưng khi nhà nước làm đường trụ đá nhổ lên mất, khi ông tiến hành làm rào ông có báo bà T biết, bà T đồng ý nên gia đình xây được rào, nhưng sau bà T cho rằng ông lấn đất và khởi kiện.

Nay ông Võ Văn C không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T tháo dỡ di dời hàng rào bằng tường + lưới B40 trụ bê tông nằm trong thửa đất số 44, tờ bản đồ số 2, diện tích 5.204m^2 tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang,

được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 29/6/2009 cho bà Lê Thị T đại diện hộ gia đứng tên trả lại phần đất 9,4m^2.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Trần Văn T3 trình bày: Thống nhất toàn bộ yêu cầu của bà Lê Thị T, không ý kiến gì thêm.

+ Bà Nguyễn Thị Chính thống n theo ý kiến yêu cầu của ông Võ Văn C không ý kiến gì thêm.

+ Đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Đ, bà Võ Thị L2 là ông Võ Văn C, bà Võ Thị L1, Võ Thị S, Võ Thị M, ông Võ Văn C1, anh Võ Thành Sơn L3, chị Lê Thị Diễm T2, anh Võ Thành Sơn H1 trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp của ông Võ Văn T7 cho ông Võ Văn C, ông C tự quyết định, không ý kiến gì.

+ Bà Võ Thị T1, Võ Thị N, bà Nguyễn Thị Bé H, chị Võ Thị Thu N1, anh Võ Thành L, anh Võ Thanh V không có văn bản trình bày ý kiến.

+ Ông Trần Văn T4, bà Phạm Thị T5, ông Trần Văn T6, bà Hứa Thị P, anh Trần Thanh S2, Trần Thanh P1, Ngân hàng TMCP C3 – Chi nhánh T8 không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 178/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang: Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 35 của bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 164, 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

Buộc ông Võ Văn C tháo dỡ di dời hàng rào kết cấu cột bê tông tường xây gạch, phía trên có lưới B40 có diện tích 8m x 1,2m = 9,6m^2 và trả lại bà Lê Thị T diện tích 9,4m^2 đất nằm trong thửa đất số 44, tờ bản đồ số 2, diện tích 5.204m^2 tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy H04485 vào ngày 29/6/2009 cho bà Lê Thị T đại diện hộ gia đứng tên có tứ cận:

+ Hướng Bắc giáp đường đất;

+ Hướng Nam giáp đất của bà Lê Thị T;

+ Hướng Đông giáp đất của bà Lê Thị T;

+ Hướng Tây giáp đất của ông Võ Văn T7 (ông Võ Văn C đang canh tác). Có sơ đồ kèm theo.

2. Về chi phí đo đạc, định giá và xem xét thẩm định thực tế tại chỗ: Buộc ông Võ Văn C hoàn trả cho bà Lê Thị T số tiền 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng)

- Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 19 tháng 9 năm 2022, bị đơn Võ Văn C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang với lý do bản án chưa xem xét đánh giá chứng cứ một cách toàn diện, đầy đủ, chính xác và khách quan. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn tháo dỡ, di dời hàng rào kết cấu cột bê tông, tường xây gạch, phía trên có lưới B40 diện tích 9,6m^2 và trả lại bà Lê Thị T diện tích 9,4m^2 đất nằm trong thửa 44, tờ bản đồ số 2, diện tích 5.204m^2, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn Võ Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn Lê Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị tòa phúc thẩm giữ y án sơ thẩm. Các đương sụ không thỏa thuận được về việc giải quyết tranh chấp.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án từ lúc thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng theo luật định.

Về quan điểm giải quyết vụ án Kiểm sát viên nhận định án sơ thẩm xử:

Tòa cấp sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị T, buộc bị đơn Võ Văn C tháo dỡ di dời hàng rào để trả lại cho bà T 9,4m^2 đất thuộc thửa 44 tờ bản đồ số 2 do UBND huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho bà T đứng tên tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang là không phù hợp với thực tế, vì theo kết quả thẩm định, đo đạc lại ở giai đoạn phúc thẩm thể hiện đất của nguyên đơn và đất bị đơn là đường thẳng không có lấn chiếm qua đất của bà T. Do đó, xét thấy nguyên đơn Lê Thị T yêu cầu bị đơn Võ Văn C trả diện tích đất lấn chiếm của bà T diện tích 9,4m^2 đất nằm trong thửa đất số 44, tờ bản đồ số 2, diện tích 5.204m^2 tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang là không có cơ sở.

Xét thấy, bị đơn ông C kháng cáo không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị T là có căn cứ để chấp nhận, vì diện tích đất mỗi lần đo đạc đều có thay đổi là do phía nguyên đơn bà T chỉ ranh nên không chính xác. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Võ Văn C, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 178/2022/DSST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Nghe các đương sự trình bày lý lẽ, phát biểu tranh luận, lời nhận xét và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Xét thấy:

[1] Bị đơn Võ Văn C thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đúng thời hạn luật định, đúng theo qui định tại Điều 271, 272, 273 và khoản 2 Điều 276 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về tư cách tham gia tố tụng ông Võ Văn C là người đại diện theo ủy quyền cho Võ Thị Đ và Võ Thị L2. Anh Trần Văn T6 là người đại diện theo pháp luật cho Trần Thị Chúc L4 và Trần Thị Chúc L5. Việc đại diện được thực hiện theo các Điều 85, 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 134, 136 của Bộ luật Dân sự. Các đương sự còn lại đều có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất lấn chiếm thuộc chủ quyền của nguyên đơn. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền và phạm vi giải quyết theo qui định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 164, 166 Bộ luật Dân sự; Điều 26, 166, 170, 203 Luật Đất đai năm 2013.

[3] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu giải quyết:

[3.1] Nguyên đơn Lê Thị T trình bày: Bà có thửa đất 44 thuộc tờ bản đồ số 2 đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ số H04485 ngày 29/6/2009 cho bà đại diện hộ đứng tên tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, diện tích 5204m^2. Giáp ranh với đất của bà là đất ông Võ Văn T7, sau khi ông T7 chết thì giao lại cho Võ Văn C là con ông T7 quản lý sử dụng. Giữa hai thửa đất có cắm trục đá phân ranh. Khi nhà nước làm lộ thì trụ đá bị mất nên ông C làm hàng rào lấn qua phần đất của bà, theo đo đạc thực tế 9,4m^2: Bà T yêu cầu ông C tháo dỡ tường rào lưới B40 để trả lại cho bà 9,4m^2 đất.

[3.2] Bị đơn Võ Văn C trình bày: Cha ông là Võ Văn T7 được nhà nước cấp giấy chứng nhận QSDĐ thửa 779, diện tích 1080m^2 và thửa đất số 789 diện tích 8.126m^2 có vị trí giáp ranh đất của bà T. Sau khi cha ông chết ông là người quản lý canh tác hai thửa đất trên. Phần đất bà T tranh chấp trước đây là chân đê, phía trong có một con mương ranh, mỗi bên sử dụng ½ con mương. Tại phần đất tranh chấp có cắm trụ ranh, nhưng khi nhà nước làm đường trụ đá bị nhổ mất. Khi ông làm hàng rào có báo cho bà T biết, được bà T đồng ý nên ông mới xây tường rào. Vì vậy ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

Án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T buộc ông C tháo dỡ di dời tường rào để giao trả cho bà T 9,4m^2 đất, nhưng ông C không chấp nhận nên kháng cáo.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn C xét thấy:

Theo xác nhận của UBND xã T ngày 05/9/2018 (bút lục 13) và giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ cấp giấy 01839.QSDĐ/1/17 ngày 26/02/1996 do UBND huyện C cấp cho ông Võ Văn T7 đứng tên (bút lục 208) thể hiện:

[4.1] Thửa 780 tờ bản đồ số 1 diện 8126m^2;

Thửa 779, tờ bản đồ số 1, diện tích 1080m^2;

Tổng diện tích 9206m^2 (bút lục 208).

Tại công văn số 1157/CNVPĐKĐĐ-TTLT ngày 17/8/2022 của Văn phòng Đ1 – Chi nhánh huyện C cung cấp hồ sơ tài liệu có nội dung như sau:

Theo sổ mục kê tài liệu 299 thửa đất 779, diện tích 1080m^2 và thửa đất số 780 diện tích 8.126m^2 tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Võ Văn T7 đứng tên. Còn theo tài liệu địa chính chính quy thửa đất 43 tờ bản đồ số 2 diện tích 11.275m^2 tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 29/6/2009 số vào sổ H03728 cho hộ ông Võ Văn C đứng tên. Nguồn gốc do ông Võ Văn C đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận QSDĐ đồng loạt tại UBND xã T. Nhưng do không đủ điều kiện cấp đổi đồng loạt tại UBND xã nên UBND xã T đã thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ số H03728 nộp về chi nhánh L6. Do Võ Văn T7 chưa thực hiện thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận QSDĐ theo tài liệu chính quy nên chi nhánh không có cơ sở xác định tài liệu địa chính chính quy đối với thửa đất 43 tờ bản đồ số 2 có phải hình thành trên cơ sở sáp nhập theo tài liệu 299 với thửa thửa đất 779, diện tích 1080m^2 và 780 diện tích 8.126m^2 theo yêu cầu của Tòa án (bút lục 195).

[4.2] Nhưng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án ông Võ Văn C luôn khẳng định sau khi ông Võ Văn T7 chết vào năm 2008 thì ông là người trực tiếp quản lý sử dụng thửa đất 779 và thửa 780 do ông Võ Văn T7 đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ. Phía Đông phần đất của ông T7 giáp ranh với bà Lê Thị T là một đường thẳng có cắm trụ ranh bằng đá. Khi nhà nước làm đường đê cắt ngang qua đất của ông (ông T7 đứng tên) và đất của bà T thì trụ đá dưới chân đê bị mất không còn nên ông căng giây cắm cọc làm hàng rào, lúc đầu giăng dây thì bà T đồng ý nhưng khi cắm cọc trụ rào thì bà T ngăn cản.

[4.3] Về phía bà Lê Thị T được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ H04485 ngày 29/6/2009 thửa 44 tờ bản đồ số 2 diện tích 5204m^2 tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho hộ bà Lê Thị T đứng tên. Theo sơ đồ thửa đất được cấp cho bà Lê Thị T thể hiện phía Tây thửa đất bà T giáp với đất của ông Võ Văn T7 là một đường thẳng (bút lục 198).

[5] Quá trình giải quyết tranh chấp Tòa án và cơ quan quản lý đất đai đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc định giá tài sản. Theo bản đồ địa chính khu đất do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đ1 lập ngày 29/8/2022 thể hiện Ranh đất thửa 43 tờ bản đồ số 2 của ông Võ Văn T7 hiện do ông Võ Văn C quản lý sử dụng với thửa đất số 44 tờ bản đồ số 2 của bà Lê Thị T là một đường

thẳng. Tuy nhiên phần bản đồ địa chính khu đất ghi diện tích tranh chấp 13,3m^2 được thể hiện thành hai phần như sau:

Phần 1 ghi cắt 44/9,4 có tứ cận (Phần đất bà T đang sử dụng):

- Hướng Đông giáp (đất bà T) thửa 44 chiều dài 11,85;

- Hướng Tây giáp (đất ông T7) thửa 43 chiều dài: 12,41;

- Hướng Nam giáp thửa 43 chiều ngang 0,16;

- Hướng Bắc giáp đường đất chiều ngang 1,53;

Phần 2 ghi cắt 43/3,9 có tứ cận (Phần đất công Chúc đang sử dụng):

- Hướng Đông giáp ranh thửa 44 chiều dài 12,41;

- Hướng Tây giáp thửa 43 chiều dài 12,42;

- Hướng Nam 0,39;

- Hướng Bắc giáp đường đất chiều ngang 0,28 (BL 197)

Tòa sơ thẩm căn cứ vào bản đồ địa chính khu đất do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đ1 lập ngày 29/8/2022 để buộc ông C trả lại bà T 9,4m^2 đất là không có cơ sở bởi bản đồ địa chính đó không ghi nhận về kích thước chiều ngang của hai thửa đất tại vị trí tranh chấp là bao nhiêu mét nên không thể chứng minh ông C lấn chiếm đất của bà T.

[6] Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm ông Võ Văn C yêu cầu thẩm định đo đạc lại phần đất tranh chấp và đã được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đ1 thực hiện ngày 03/3/2023 và ngày 14/8/2023 thể hiện: Ranh đất thửa 43 và thửa 44 là đường thẳng, còn phần hai bên tranh chấp thể hiện ở vị trí (1)-(2)-(3) là đường ranh do bà T và ông C chỉ ranh chồng lấn qua lại còn ranh đất giữa hai thửa 43 và 44 vẫn là đường thẳng.

Mặt khác về kích thước chiều ngang thửa 44 của bà T và thửa 43 của ông T7 (hiện do ông C quản lý) thể hiện như sau:

[6.1] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị T được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 09/6/2009 đã thể hiện trên sơ đồ thửa đất như sau:

Hướng Bắc giáp Sông T kích thước chiều ngang 14,32m;

Hướng Nam giáp đường đất kích thước chiều ngang 17,55m;(BL 198).

Còn theo bản đồ địa chính khu đất (Trích đo) do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ1 lập ngày 14/8/2023 thể hiện tại vị trí tranh chấp ghi nhận: Chiều ngang thửa đất 44 của bà T như sau:

Hướng Bắc kích thước 16,77m;

Hướng Nam kích thước 16,82 m.

[6.2] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Võ Văn T7 (cha ông Chúc) được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 26/02/1996 và biên bản xác định

ranh giới mốc giới thửa đất theo hiện trạng sử dụng được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C lập ngày 13/6/2014 thể hiện:

Hướng Bắc giáp Sông T kích thước chiều ngang: 35,14m;

Hướng Nam giáp đường đất kích thước chiều ngang 32,80m; (BL 39-43).

Còn theo bản đồ địa chính khu đất (Trích đo) do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ1 lập ngày 14/8/2023 ghi nhận, tại vị trí tranh chấp. Chiều ngang thửa đất 43 của ông T7:

Hướng Bắc kích thước: 33,62m;

Hướng Nam kích thước: 33,78m.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ và bản đồ địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C lập ngày 03/3/2023 và 14/8/2023 thì không thể hiện phần tường rào ông C xây dựng có lấn chiếm đất của bà T nên không có cơ sở buộc ông C tháo dỡ hàng rào giao trả cho bà T 9,4m^2 đất như án sơ thẩm đã xử.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được phân tích chứng minh, xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn C có cơ sở chấp nhận. Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đòi ông C tháo dỡ hàng rào trả lại bà T 9,4m^2 đất lấn chiếm.

[7] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của bà T không được chấp nhận nên phần chi phí xem xét thẩm định, đo đạc định giá bà T phải chịu theo Điều 157. Ông Võ Văn C tự nguyện chịu chi phí đo đạc ngày 03/3/2023 và 14/8/2023 nên ghi nhận.

[8] Về án phí: Bà Lê Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa 14.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, phân tích và đề nghị có căn cứ phù hợp với nhận định của Tòa án nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 270, 293, 296; khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn C. Sửa toàn bộ quyết định án sơ thẩm số 178/2022/DS-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 4; Điều 5; khoản 9 Điều 26; các điều 147, 148, 157, 158, 227, 228 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 159, 160, 164, 166, 175 và Điều 176 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ các điều 26, 95, 166, 170 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ vào Điều 2 Luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa 14 qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đòi ông Võ Văn C tháo dỡ di dời hàng rào kết cấu cột bê tông, tường xây gạch, phía trên kéo lưới B40 diện tích 8m x 1,2m để giao trả cho bà Lê Thị T 9,4m^2 đất thuộc một phần thửa 44 tờ bản đồ số 2 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04485 ngày 29/6/2009 cho bà Lê Thị T đứng tên tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2/. Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị T phải chịu 1.700.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, thẩm định giá tài sản, bà T đã nộp xong. Ông Võ Văn C tự nguyện chịu chi phí đo đạc ngày 03/3/2023 và 14/8/2023.

3/. Về án phí:

- Bà T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Võ Văn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trả lại cho bà Lê Thị T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 16148 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trả lại ông Võ Văn C 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016633 ngày 20/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Mai Hoàng Khải